



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch
Ông Đào Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2016)
Ông Đỗ Quang Mạnh	Thành viên
Ông Trần Văn Sử	Thành viên
Ông Vũ Thăng Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2016)
Ông Đỗ Quang Mạnh	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2017

500
T
H
T
N
TP

Số: 434 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.082.915.676	31.105.196.742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	11.252.899.975	17.477.248.695
1. Tiền	111		3.252.899.975	6.477.248.695
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	11.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.522.337.089	5.983.389.172
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	10.848.728.427	7.497.672.077
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	166.704.762	205.533.195
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.493.096.100)	(1.719.816.100)
III. Hàng tồn kho	140	10	13.307.678.612	7.627.892.208
1. Hàng tồn kho	141		13.307.678.612	7.627.892.208
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	16.666.667
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	16.666.667
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.916.134.046	37.379.842.561
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.112.524.855	6.585.539.340
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	8.112.524.855	6.585.539.340
II. Tài sản cố định	220		26.675.494.097	30.204.515.914
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	15.158.077.714	14.084.579.179
- Nguyên giá	222		30.776.126.847	26.811.690.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.618.049.133)	(12.727.111.030)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	11.517.416.383	16.119.936.735
- Nguyên giá	228		31.177.927.937	31.177.927.937
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.660.511.554)	(15.057.991.202)
III. Tài sản dài hạn khác	260		128.115.094	589.787.307
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	128.115.094	589.787.307
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		68.999.049.722	68.485.039.303

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng	01	20	125.321.954.667	182.233.918.437
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		125.321.954.667	182.233.918.437
4. Giá vốn hàng bán	11		97.182.483.545	132.239.671.917
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		28.139.471.122	49.994.246.520
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	626.009.987	857.766.507
7. Chi phí bán hàng	25	23	4.771.058.484	10.245.263.046
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	12.562.066.527	20.942.396.468
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(25+26))	30		11.432.356.098	19.664.353.513
10. Thu nhập khác	31		125.057.827	930.770.473
11. Chi phí khác	32		302.600.636	604.897.700
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(177.542.809)	325.872.773
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.254.813.289	19.990.226.286
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	2.349.659.926	4.644.172.162
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		8.905.153.363	15.346.054.124
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	5.185	6.082



Trần Thị Vân
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	134.499.199.350	205.258.228.366
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(55.720.922.632)	(92.443.794.019)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(41.995.246.400)	(55.315.294.400)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.631.819.489)	(3.002.994.572)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	757.478.700	1.256.712.316
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(31.089.221.913)	(43.625.186.986)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.819.467.616	12.127.670.705
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.290.870.526)	(11.653.474.313)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	702.100.000
3. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	399.284.190	697.874.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.891.586.336)	(10.253.500.229)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.152.230.000)	(8.310.976.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.152.230.000)	(8.310.976.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(6.224.348.720)	(6.436.806.024)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	17.477.248.695	23.914.054.719
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	11.252.899.975	17.477.248.695

Trần Thị Vân
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Khiêm
Kê toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng, được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800282498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2015.

Cổ đông chính của Công ty là Công ty Cổ phần Cơ Khí và Khoáng sản Hà Giang và các cổ đông cá nhân khác.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 412 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 433 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến đất sét;
- Khai thác tận thu, chế biến bauxit;
- Khai thác cát, đất, đồi;
- Tận thu các loại khoáng sản đi kèm trong quá trình khai thác (nếu có);
- Sửa chữa cơ khí - điện;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc Công ty bao gồm văn phòng Công ty và các đội khai thác, chế biến đá.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 5, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế ngày 01 tháng 6 năm 2016 giữa Kiểm toán Nhà nước, Cục thuế Hải Dương và Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu bao gồm giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	04 - 16
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 14

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị các quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mà Công ty phải nộp, chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác và toàn bộ các chi phí liên quan khác để có được giấy phép khai thác khoáng sản.

Quyền khai thác khoáng sản được Công ty khấu hao căn cứ theo trữ lượng đã khai thác trên tổng trữ lượng được cấp phép khai thác.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí đã phát sinh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Căn cứ theo Biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế ngày 01 tháng 6 năm 2016 giữa Kiểm toán Nhà nước, Cục thuế Hải Dương và Công ty, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh số thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty phải nộp và chi phí khấu hao của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
TÀI SẢN				
Tài sản cố định hữu hình (i)	221	13.841.936.856	242.642.323	14.084.579.179
- Nguyên giá	222	26.811.690.209	-	26.811.690.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(12.969.753.353)	242.642.323	(12.727.111.030)
NỢ PHẢI TRẢ				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (ii)	313	10.524.029.175	448.197.375	10.972.226.550
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (iii)	421	11.186.607.756	(205.555.052)	10.981.052.704
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a	569.818.580	-	569.818.580
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	10.616.789.176	(205.555.052)	10.411.234.124
II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Giá vốn hàng bán (iii)	11	132.073.864.865	165.807.052	132.239.671.917
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (ii)	51	4.604.424.162	39.748.000	4.644.172.162
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (iii)	60	15.551.609.176	(205.555.052)	15.346.054.124

- (i) Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm 242.642.323 VND;
- (ii) Thuế tài nguyên phải nộp tăng thêm 408.449.375 VND và Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm 39.748.000 VND, dẫn đến số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tăng thêm 448.197.375 VND;
- (iii) Chi phí khấu hao tài sản cố định giảm 242.642.323 VND và Thuế tài nguyên phải nộp tăng thêm 408.449.375 VND, dẫn đến Giá vốn hàng bán tăng thêm 165.807.052 VND, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm đi 205.555.052 VND và số dư Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm đi 205.555.052 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	383.048.200	221.858.700
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.869.851.775	6.255.389.995
Các khoản tương đương tiền (i)	8.000.000.000	11.000.000.000
	11.252.899.975	17.477.248.695

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng Đức Thắng	2.020.992.000	463.452.000
Doanh nghiệp Tư nhân Xí nghiệp Tư doanh Vận tải Hồng Lạc	1.800.981.377	1.209.544.877
Công ty TNHH Hưng Hòa	1.210.831.850	853.133.500
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phượng Hoàng	523.734.000	1.141.599.000
Phải thu các khách hàng khác	5.292.189.200	3.829.942.700
	10.848.728.427	7.497.672.077

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	166.704.762	205.533.195
- Phải thu người lao động	166.389.500	205.533.195
- Phải thu khác	315.262	-
b) Dài hạn	8.112.524.855	6.585.539.340
- Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các mỏ	8.112.524.855	6.585.539.340
	8.279.229.617	6.791.072.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. NỢ XẤU**

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Thời gian quá hạn	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Thời gian quá hạn
- Xí nghiệp Cổ phần Tân Tiến Bắc Ninh	255.840.600	-	Trên 3 năm	325.840.600	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	-	Trên 3 năm	305.471.000	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	-	Trên 3 năm	282.248.000	-	Trên 3 năm
- Công ty Cổ phần Thương mại Thành Vinh	181.051.800	-	Trên 3 năm	181.051.800	-	Trên 3 năm
- Khách hàng khác	483.484.700	15.000.000	Trên 2 năm	655.204.700	30.000.000	Trên 2 năm
	1.508.096.100	15.000.000		1.749.816.100	30.000.000	

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	510.903.734	-	1.221.632.485	-
Công cụ, dụng cụ	6.394.791	-	6.886.466	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.171.676	-	1.628.434	-
Thành phẩm	12.781.208.411	-	6.397.744.823	-
	13.307.678.612	-	7.627.892.208	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	72.332.825	376.598.502
Chi phí hỗ trợ đền bù	55.782.269	146.588.805
Chi phí khác	-	66.600.000
	128.115.094	589.787.307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	7.881.075.491	16.360.324.493	2.310.187.829	260.102.396	26.811.690.209
Mua trong năm	-	600.000.000	-	-	600.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.364.436.638	-	-	3.364.436.638
Số cuối năm	7.881.075.491	20.324.761.131	2.310.187.829	260.102.396	30.776.126.847
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm (Trình bày lại)	5.014.775.633	6.128.388.979	1.371.879.922	212.066.496	12.727.111.030
Khấu hao trong năm	619.218.232	1.963.190.847	292.631.028	15.897.996	2.890.938.103
Số cuối năm	5.633.993.865	8.091.579.826	1.664.510.950	227.964.492	15.618.049.133
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm (Trình bày lại)	2.866.299.858	10.231.935.514	938.307.907	48.035.900	14.084.579.179
Số cuối năm	2.247.081.626	12.233.181.305	645.676.879	32.137.904	15.158.077.714

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.204.716.341 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.869.281.066 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền khai thác khoáng sản	Chi phí hoàn nguyên môi trường	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	17.436.318.937	13.741.609.000	31.177.927.937
Số cuối năm	17.436.318.937	13.741.609.000	31.177.927.937
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	7.497.637.308	7.560.353.894	15.057.991.202
Khấu hao trong năm	2.977.539.624	1.624.980.728	4.602.520.352
Số cuối năm	10.475.176.932	9.185.334.622	19.660.511.554
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	9.938.681.629	6.181.255.106	16.119.936.735
Số cuối năm	6.961.142.005	4.556.274.378	11.517.416.383

Theo Văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Công ty tạm thời chưa phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 với tổng số tiền khoảng 5,9 tỷ VND. Số tiền này đã được Công ty ghi nhận bổ sung vào chỉ tiêu Nguyên giá tài sản cố định vô hình và chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước. Tài sản này được Công ty trích khấu hao bắt đầu từ năm 2015 căn cứ theo trữ lượng khai thác trong năm và trữ lượng được phép khai thác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.700.262.966 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 412.167.094 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	539.773.813	7.578.116.274	7.437.989.501	679.900.586
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.045.132.669	2.349.659.926	3.631.819.489	762.973.106
- Thuế thu nhập cá nhân	72.132.510	430.701.120	378.094.210	124.739.420
- Thuế tài nguyên	738.662.775	9.545.152.228	6.902.271.591	3.381.543.412
- Phí bảo vệ môi trường	245.733.500	2.443.511.500	2.371.538.735	317.706.265
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	87.322.988	87.322.988	-
- Tiền thuê đất	-	3.083.302.500	3.083.302.500	-
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	7.330.791.283	-	699.856.429	6.630.934.854
- Các khoản phải trả khác	-	23.486.336	23.486.336	-
	10.972.226.550	25.544.252.872	24.618.681.779	11.897.797.643

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hiền	1.162.469.000	1.162.469.000	781.785.200	781.785.200
Công ty TNHH Một thành viên 6&9	1.125.814.200	1.125.814.200	671.856.100	671.856.100
Công ty Cổ phần Thống Nhất	705.570.700	705.570.700	1.057.390.100	1.057.390.100
Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Bạch Thái Bưởi	514.056.312	514.056.312	488.328.984	488.328.984
Công ty Cổ phần Phú Thịnh	475.334.100	475.334.100	928.385.900	928.385.900
Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	-	-	602.878.320	602.878.320
Phải trả các đối tượng khác	1.418.833.850	1.418.833.850	739.030.350	739.030.350
	5.402.078.162	5.402.078.162	5.269.654.954	5.269.654.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	112.440.000	103.755.300
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	55.000.000	70.100.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.993.700	52.609.658
	<u>219.433.700</u>	<u>226.464.958</u>

17. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	13.741.609.000	13.741.609.000
	<u>13.741.609.000</u>	<u>13.741.609.000</u>

Chi tiết:

Dự phòng phải trả ngắn hạn

-

-

Dự phòng phải trả dài hạn

13.741.609.000

13.741.609.000

- (i) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HÀI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	11.449.400.000	536.512.500	3.917.401.079	9.729.347.501	25.632.661.080
Tăng vốn trong năm	5.724.700.000	-	(3.917.401.079)	(1.807.298.921)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	15.551.609.176	15.551.609.176
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.700.000.000)	(3.700.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(8.587.050.000)	(8.587.050.000)
Số dư đầu năm nay	17.174.100.000	536.512.500	-	11.186.607.756	28.897.220.256
Điều chỉnh hồi tố (i)	-	-	-	(205.555.052)	(205.555.052)
Số dư đầu năm nay được trình bày lại	17.174.100.000	536.512.500	-	10.981.052.704	28.691.665.204
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.905.153.363	8.905.153.363
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Quản lý, Điều hành (ii)	-	-	-	(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	(5.152.230.000)	(5.152.230.000)
Số dư cuối năm nay	17.174.100.000	536.512.500	-	11.333.976.067	29.044.588.567

- (i) Như đã trình bày ở Thuyết minh số 5, do ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố, lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm đi 205.555.052 VND và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm đi một khoản tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2016 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 của Công ty như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 3.700.000.000 VND. Công ty đã hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2015 là 1.500.000.000 VND, hạch toán vào báo cáo tài chính năm nay là 2.200.000.000 VND.
- Trích Quỹ thưởng Ban Quản lý, Điều hành Công ty với số tiền là 1.200.000.000 VND. Công ty đã hạch toán toàn bộ vào báo cáo tài chính năm nay.
- Trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông với mức 30% vốn điều lệ, tương đương với 5.152.230.000 VND. Công ty đã tạm ứng cho các cổ đông và hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2015 là 3.434.820.000 VND, thanh toán phần còn lại cho các cổ đông và hạch toán vào báo cáo tài chính năm nay là 1.717.410.000 VND.

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 10 năm 2016 đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 cho các cổ đông với mức 20% vốn điều lệ, tương ứng với 3.434.820.000 VND. Công ty đã hạch toán toàn bộ số tiền này vào báo cáo tài chính năm nay.

Số lượng cổ phiếu

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu phổ thông	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu phổ thông	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2015), vốn điều lệ của Công ty là 17.174.100.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	6.131.160.000	35,7%	6.131.160.000	35,7%
Ông Đỗ Quang Mạnh	453.750.000	2,6%	453.750.000	2,6%
Ông Đào Văn Dũng	366.900.000	2,1%	366.900.000	2,1%
Ông Trần Văn Sử	339.450.000	2,0%	339.450.000	2,0%
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	273.450.000	1,6%	273.450.000	1,6%
Các cổ đông khác	9.609.390.000	56,0%	9.609.390.000	56,0%
Tổng cộng	17.174.100.000	100%	17.174.100.000	100%

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Nợ khó đòi đã xử lý**

Các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý:

Đối tượng	Số tiền (VND)	Thời điểm thực hiện	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Công trình Giao thông 86	621.898.570	Tháng 01 năm 2013	Bán nợ cho Công ty mua bán nợ
Công ty Vật tư Xây dựng và Vận tải Hải Phòng	1.914.511.600	Tháng 9 năm 2008	Bán nợ cho Công ty mua bán nợ
Đối tượng nhỏ lẻ khác	80.928.809	Tháng 11 năm 2015	Xóa sổ theo Quyết định của Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU BÁN HÀNG**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng	125.321.954.667	182.233.918.437
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán đá thô	2.656.197.080	10.432.441.331
- Doanh thu bán đá chế biến	121.176.016.239	171.801.477.106
- Doanh thu bán cát nghiền	1.489.741.348	-
	125.321.954.667	182.233.918.437

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.899.718.029	9.049.750.462
Chi phí nhân công	46.775.703.329	65.048.443.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.493.458.455	9.315.946.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.941.690.725	63.863.454.584
Chi phí khác bằng tiền	20.160.583.621	18.548.730.187
	121.271.154.159	165.826.325.943

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	399.284.190	697.874.084
Doanh thu hoạt động tài chính khác	226.725.797	159.892.423
	626.009.987	857.766.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên quản lý	6.936.120.706	10.910.608.700
- Thuế, phí, lệ phí	335.832.467	2.870.975.729
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.761.499.731	1.635.203.338
- Chi phí bằng tiền khác	2.664.251.276	2.189.187.284
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.091.082.347	3.793.172.626
	12.788.786.527	21.399.147.677
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí thuê máy móc thiết bị, bốc xúc, vận chuyển	4.771.058.484	10.245.263.046
	4.771.058.484	10.245.263.046
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(226.720.000)	(456.751.209)

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	11.254.813.289	19.990.226.286
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(4.832.600)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	493.486.336	1.124.478.000
Thu nhập chịu thuế	11.748.299.625	21.109.871.686
Thuế suất (i)	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.349.659.926	4.644.172.162
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.349.659.926	4.644.172.162

- (i) Theo Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn liên quan, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.905.153.363	15.346.054.124
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	4.900.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.905.153.363	10.446.054.124
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.717.410	1.717.410
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.185	6.082

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2016 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban Quản lý, Điều hành Công ty từ lợi nhuận năm 2015 của Công ty, đồng thời Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu của năm 2015, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, cụ thể như sau:

	Năm trước	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.551.609.176	15.346.054.124
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	1.500.000.000	4.900.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.051.609.176	10.446.054.124
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.717.410	1.717.410
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.182	6.082

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*****Danh sách các bên liên quan:***

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	Cổ đông chính
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Quản lý, điều hành Công ty

Trong năm, Công ty có giao dịch với bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức trả cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	1.839.348.000	3.065.580.000

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng và phụ cấp của Ban Giám đốc	878.691.000	1.379.878.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị	420.000.000	420.000.000

Trần Thị Vân
Người lập biểu**Nguyễn Hữu Khiêm**
Kế toán trưởng**Đào Văn Dũng**
Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2017

Số: 17 /CV-KHD
V/v: Giải trình ý kiến ngoại trừ
trên Báo cáo kiểm toán năm 2016.

Hải Dương, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội(HNX)

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương giải trình về ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 như sau:

- **Ý kiến kiểm toán**

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận vào chi phí trong năm số tiền khoảng 1,14 tỷ VND là một phần trong tổng số khoảng 5,9 tỷ VND tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Nếu Công ty ghi nhận hồi tố toàn bộ khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp nêu trên vào chi phí các năm trước theo đúng hướng dẫn của Chế độ kế toán Việt Nam thì trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước sẽ giảm khoảng 3,94 tỷ VND, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định vô hình sẽ tăng khoảng 2,8 tỷ VND; trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá vốn hàng bán sẽ giảm và tổng lợi nhuận trước thuế sẽ tăng cùng một số tiền khoảng 1,14 tỷ VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

• **Giải trình của Công ty**

Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính và mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có hiệu lực từ ngày 20/01/2014.

Đầu năm 2015, Công ty mới được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho toàn bộ các mỏ hiện Công ty đang quản lý khai thác, trong đó tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01/07/2011 đến ngày 31/12/2013 là 5,9 tỷ đồng.

Từ năm 2011 đến 2014 Công ty đã quyết toán và phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Do vậy, Công ty không hồi tố số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp nói trên vào chi phí các năm trước, mà Công ty đã ghi tăng Nguyên giá tài sản cố định vô hình và thực hiện trích khấu hao bắt đầu từ năm 2015. Theo đó, số tiền đã ghi nhận vào chi phí năm 2015 là 1,9 tỷ đồng và năm 2016 là 1,14 tỷ đồng tương ứng với trữ lượng đã khai thác từng năm.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã giải trình.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCKHN;
- Website;
- Lưu VT, HĐQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

